

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HS-PT

Ngày 09/3/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Minh

**Các Thẩm phán:** Ông Trần Minh Long

Ông Phan Vĩnh Chuyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Từ Văn Hoàng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Ngọc T và Hoàng Văn D do có kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc T và Hoàng Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

**Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. TRẦN NGỌC T**, sinh ngày xx tháng xx năm 20xx tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Tổ xx, phường HM, quận C, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú: Tổ xx, phường ND, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc D (s) và bà Nguyễn Thị Bích T (s); Gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**2. HOÀNG VĂN D**, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx tại tỉnh Hà Nam; Nơi ĐKNKTT: Thôn PL, xã U, huyện KB, tỉnh Hà Nam; Tạm trú: xx Ngô Nhân Tịnh, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn H (c) và bà Mai Thị L (s); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Lương Thị H và có 01 con sinh ngày 23/01/2022.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, nên trong các ngày 04/8/2022 và 07/08/2022, Trần Ngọc T đã thực hiện các lần trộm cắp tài sản tại khu vực bãi tắm phường PM, quận S. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 04/8/2022, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô mang BKS: 43Dx-808.xx đến bãi tắm số 02, phường PM rồi để xe tại khu vực này và đi xuống bãi biển. Tại đây, T thấy có nhóm học sinh đi xuống biển và có nhiều ba lô ở trên bãi cát, không có ai trông giữ nên T đi đến lấy trộm 02 chiếc ba lô và đem lên buồng tắm của bãi số 02 và lục lấy 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9T, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen của anh Huỳnh Tuấn K; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, 01 tai nghe Bluetooth hiệu AirPods2, màu trắng của anh Hồ Nguyên K1, rồi vứt các ba lô tại đây và đi về. Sau khi trộm cắp được tài sản, Trần Ngọc T lên mạng Facebook để tìm chỗ tiêu thụ, thấy có 01 tài khoản chuyên thu mua điện thoại cũ tên “LD Mobile” của Hoàng Văn D nên T kết bạn với D qua tài khoản Zalo. Sau khi kết bạn, Trần Ngọc T trao đổi với Hoàng Văn D là muốn bán điện thoại di động và chụp hình 03 điện thoại di động đã trộm cắp gửi qua cho Hoàng Văn D xem. Hoàng Văn D hỏi T có biết iCloud của máy không thì T trả lời không biết, Hoàng Văn D hỏi tiếp máy có mật khẩu không thì T trả lời có mật khẩu nhưng T không biết. Lúc này, D nhận thức được đây là tài sản do trộm cắp được mà có nên ra giá mua 01 chiếc điện thoại hiệu Xiaomi Redmi 9T, màu xanh; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen này với số tiền 2.500.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, T và D gặp nhau thực hiện giao dịch mua bán tại địa chỉ 34 Lý Thường Kiệt, thành phố Đà Nẵng. Sau khi mua được 03 chiếc điện thoại di động nêu trên từ T, Hoàng Văn D đã bán 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen cho một người không rõ lai lịch T qua mạng xã hội với số tiền 3.000.000 đồng. Đối với tai nghe Bluetooth hiệu AirPods2, màu trắng, sau đó Trần Ngọc T mang trả lại cho anh Hồ Nguyên K1.

***Tang vật thu giữ:***

Thu giữ của Hoàng Văn D: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9T, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen;

Anh Hồ Nguyên K1 giao nộp 01 tai nghe Bluetooth hiệu AirPods2, màu trắng.

Tại kết luận định giá số 43 ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Sơn Trà xác định: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9T, màu xanh trị giá 1.800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen trị giá 1.050.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu đen trị giá 1.600.000 đồng; 01 tai nghe Bluetooth hiệu AirPods2, màu trắng trị giá 660.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản mà Trần Ngọc T đã chiếm đoạt trong lần trộm cắp này là: 5.110.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 07/8/2022, Trần Ngọc T tiếp tục điều khiển xe mô tô mang BKS: 43Dx-808.xx đến bãi tắm số 01, phường PM rồi để xe tại khu vực này và đi xuống bãi biển. Khi đến khu vực gần bãi tắm số 01, T thấy một nhóm thanh niên đang chơi đá bóng và có để các túi xách trên bãi biển, không có người trông giữ, nên T đi đến và lấy trộm 03 túi xách rồi mang lên buồng tắm của bãi tắm số 02 mở túi xách ra và lục lấy được 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10S, màu xanh, xám của anh Lê Công K2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen của Trần Bình M; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng của anh Nguyễn Thế A rồi vứt các túi xách tại đây. Sau đó, Trần Ngọc T tiếp tục đến bãi tắm số 03 lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 Lite 5G-NE, màu đen của anh Nguyễn Văn Ngọc L đang để trong ba lô trên bãi biển nhưng không có người trông coi. Sau khi lấy trộm được tài sản, T tiếp tục liên hệ với Hoàng Văn D và bán chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 10S, màu xanh, xám cho anh D với giá 1.000.000 đồng. Lúc trao đổi mua bán, D cũng nhận thức được đây là tài sản do T trộm cắp được mà có vì T không biết được mật khẩu của điện thoại. Sau đó do bận công việc nên Hoàng Văn D thuê anh Phạm Duy T1 (là người chạy xe mô tô Grab) đến địa chỉ xx Lý Thường Kiệt, thành phố Đà Nẵng gặp Trần Ngọc T và mang chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10S, màu xanh, xám về đưa cho D. Anh Trung không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có.

***Tang vật thu giữ:***

Thu giữ của Trần Ngọc T: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 Lite 5G-NE, màu đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh; 01 xe mô tô BKS: 43Dx-808.xx; số tiền 3.000.000 đồng;

Thu giữ của Hoàng Văn D: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 10S, màu xanh, xám;

Tại kết luận định giá số: 43/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 30/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Sơn Trà xác định: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 Lite 5G-NE, màu đen trị giá 5.700.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10S, màu xanh, xám trị giá 2.600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen trị giá 2.640.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng trị giá 5.400.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản mà Trần Ngọc T đã chiếm đoạt trong các lần trộm cắp này là: 16.340.000 đồng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 114/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trần Ngọc T 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Hoàng Văn D 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Trần Ngọc T; phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Lần lượt các ngày 08/12/2022 và ngày 09/12/2022, bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Trần Ngọc T đã có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là quá nặng, xin cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Hoàng Văn D, Trần Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và kết luận, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc T, Hoàng Văn D theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Hoàng Văn D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, xem xét nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 12 tháng tù, xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 06 tháng tù là tương xứng với hành vi của các bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc T tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà số tiền 2.600.000 đồng thu lợi bất chính và án phí Hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị hại Nguyễn Thế A và người giám hộ Nguyễn Thế V tiếp tục có đơn xin cho T được hưởng án treo để được tiếp tục học tập. Bị cáo Hoàng Văn D tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà số tiền 3.200.000 đồng thu lợi bất chính và án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo D hiện đang phải trực tiếp nuôi con còn nhỏ, vợ bỏ đi đâu không rõ, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn D, Trần Ngọc T, giữ nguyên mức án của Bản án sơ thẩm và chuyển sang hình phạt tù cho hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc T, Hoàng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Để có tiền tiêu xài, trong các ngày 04/8/2022 và 07/8/2022, tại các bãi tắm biển thuộc phường PM, quận S, thành phố Đà Nẵng, Trần Ngọc T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại. Cụ thể, lần thứ nhất chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 5.110.000 đồng; lần thứ hai chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 10.640.000 đồng; lần thứ ba chiếm đoạt tài sản trị giá 5.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Ngọc T đã chiếm đoạt là 21.450.000 đồng.

Hoàng Văn D mặc dù biết tài sản là do Trần Ngọc T trộm cắp mà có nhưng vẫn 02 lần mua 04 điện thoại di động có tổng trị giá 7.050.000 đồng từ Trần Ngọc T với số tiền mua là 3.500.000 đồng.

Vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Trần Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Xét xử bị cáo Hoàng Văn D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc T và Hoàng Văn D, thì thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 12 tháng tù; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 06 tháng tù là phù hợp.

Tuy nhiên, sau khi xử sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc T tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà số tiền 2.600.000 đồng thu lợi bất chính và án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Văn D tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà số tiền 3.200.000 đồng thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm.

Xét toàn bộ vụ án thì thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Gia đình có công với đất nước; Có nơi cư trú rõ ràng; người bị hại đã nhận lại tài sản, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền đảm bảo việc thi hành án tất cả các nghĩa vụ về bồi thường thiệt hại, tiền thu lợi bất chính cũng như án phí sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần

Văn T hiện đang là sinh viên của trường đại học Duy Tân, Đà Nẵng. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thế A tiếp tục có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo để được theo học. Bị cáo Hoàng Văn D là lao động duy nhất trong gia đình, vợ bỏ đi để lại con nhỏ cho đến nay mới được 14 tháng tuổi mà bị cáo là người trực tiếp phải nuôi con, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh, được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo mà giao về địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc T, Hoàng Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**I. Căn cứ:** Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc T, Hoàng Văn D; Sửa Bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo **Trần Ngọc T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Tuyên giao bị cáo về UBND phường HM, quận C, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo **Hoàng Văn D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo** về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Tuyên giao bị cáo về UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**II.** Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Hoàng Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**III.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo)

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - CA Tp Đà Nẵng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- CQCSĐT CAQ Sơn Trà;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Dương Thị Hồng Minh**